TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST
Ngày: 15/3/2024
V/v:"Tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Vũ Minh Trang

Các hội thẩm dân nhân: Ông Bùi Quang Hợi và ông Đào Đức Phú

***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Vân Thanh - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Trần Mạnh Hà – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc Tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXX-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1950; có mặt

HKTT: đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh;

Chỗ ở: chung cư V, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1983; có mặt

HKTT: Khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

Chỗ ở: Khu X, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

2. Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1982; có mặt

HKTT: Khu M, phường C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị S có cho anh Nguyễn Văn A và Nguyễn Đăng H vay số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu) đồng với mục đích làm ăn kinh tế. Ngày 25/7/2019 hai bên kí kết giấy biên nhận vay tiền với nội dung:

- Số tiền vay gốc: 700.000.000 đồng;
- Lãi suất: 1%/tháng. Lãi được trả hàng tháng.
- Thời hạn trả nợ: Sau 02 tháng

Cùng ngày, bà S đã giao toàn bộ số tiền cho anh A và anh H bằng hình thức đưa tiền mặt. Khi thỏa thuận vay và khi giao tiền không có người làm chứng. Đến thời hạn trả nợ, bà S đã yêu cầu anh A, anh H trả lại số tiền đã vay nhưng do việc làm ăn gặp khó khăn, tới thời điểm hiện tại, anh A, anh H vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với bà S. Tại các buổi làm việc với Toà án và tại phiên toà ngày hôm nay, bà S xác nhận số tiền mà hai anh còn phải trả cho bà là **250.000.000 đồng**. Bà đề nghị tách riêng từng phần nghĩa vụ trả nợ với lí do:

- Cả anh A và anh H đã cùng nhau trả cho bà 01 lần, số tiền là 200.000.000 đồng; Hình thức thanh toán: Tiền mặt, không có người làm chứng, không lập thành văn bản.

- Sau đó, anh A đã trả cho bà thêm 02 lần. Tính đến khoảng năm 2021, anh A đã trả cho bà S tổng số tiền 230.000.000 đồng; Hình thức thanh toán: Anh A trực tiếp trả bằng tiền mặt, không có người làm chứng, không lập thành văn bản. Bà xác nhận đây là số tiền do anh A bán tài sản cá nhân để thực hiện riêng nghĩa vụ của anh đối với mình. Do vậy, bà S đề nghị Toà án buộc anh A trả cho bà số tiền **20.000.000 đồng**;

- Anh H đã trả cho bà thêm 01 lần, số tiền 20.000.000 đồng. Bà xác nhận đây là số tiền anh H thực hiện riêng nghĩa vụ của anh đối với mình. Do vậy, bà S đề nghị Toà án buộc anh H trả cho bà số tiền **230.000.000 đồng.**

Tất cả những lần anh A và anh H trả tiền bà S đều trừ vào số tiền nợ gốc, việc trả tiền không lập thành văn bản, không có người làm chứng.

- Về lộ trình trả nợ: Đề nghị trả làm một lần.
- Về lãi suất: Không yêu cầu.
- Về án phí: Đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà S đã cung cấp giấy vay nợ mà hai bên lập ngày 25/7/2019.

Theo bản tự khai, tại phiên toà và các nội dung làm việc tại Toà án, bị đơn anh Nguyễn Văn A trình bày:

Anh xác nhận có sự việc vay tiền như bà S đã khởi kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà S, anh A đồng ý. Số tiền hai anh đã trả được cho bà S là 450.000.000 đồng. Số tiền còn phải trả là **250.000.000 đồng**.

Đối với việc bà S cho rằng anh đã trả được 330.000.000 đồng và anh H trả 120.000.000 đồng, anh A có ý kiến như sau: Anh và anh H cùng đứng tên trên giấy vay bà S. Sau khi vay, toàn bộ số tiền được sử dụng vào hoạt động kinh doanh chung của hai người. Sau khi cùng nhau trả được cho bà S 200.000.000 đồng thì công việc làm ăn không thuận lợi. Anh A đã chủ động bán tài sản riêng đi để trả thêm cho bà S 02 lần, tổng là 230.000.000 đồng nữa. Do đó, anh xác nhận lời khai của bà S là đúng. Tại phiên toà anh đề nghị tách riêng nghĩa vụ trả nợ, anh sẽ trả nốt cho bà S 20.000.000 đồng và anh H có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền còn lại là

230.000.000 đồng. Anh không có ý kiến gì và xin chia kì lộ trình trả nợ trong vòng 04 tháng, kể từ tháng 5/2024 đến hết tháng 8/2024.

- Về việc bà S không yêu cầu lãi suất: Anh A đồng ý và không có ý kiến gì.
- Về án phí: Đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, tại phiên toà và các nội dung làm việc tại Toà án, bị đơn anh Nguyễn Đăng H trình bày:

Anh xác nhận có sự việc vay tiền như bà S đã khởi kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà S, anh H đồng ý. Số tiền hai anh đã trả được cho bà S là 450.000.000 đồng. Số tiền còn phải trả là **250.000.000 đồng**.

Đối với việc bà S cho rằng anh đã trả được 120.000.000 đồng và anh H trả 330.000.000 đồng, anh H có ý kiến như sau:

Sau khi vay được tiền, anh A là người trực tiếp cầm tiền và sử dụng vào hoạt động chung của hai người. Do đó, số tiền 450.000.000 đồng đã trả cho bà S anh đề nghị xác nhận là tiền chung do anh và anh A cùng bỏ ra chứ không phân chia từng phần nghĩa vụ cá nhân như bà S và anh A đề nghị.

Đối với nghĩa vụ trả nợ: Anh H xác nhận số tiền còn phải thanh toán cho bà S là **250.000.000 đồng**, cả anh và anh A đều phải có chung nghĩa vụ trả số tiền nói trên. Anh đồng ý trả cho bà S 125.000.000 đồng. Do tình hình kinh tế khó khăn, anh H đề nghị được trả dần trong 20 tháng, kể từ tháng 5/2024 đến hết tháng 12/2025 sẽ hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.

- Về việc bà S không yêu cầu lãi suất: Anh H đồng ý và không có ý kiến gì.
- Về án phí: Đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà S đồng ý với lộ trình trả nợ mà anh A đưa ra, không đồng ý với lộ trình trả nợ của anh H. Trường hợp không thỏa thuận được, đề nghị phía bị đơn phải trả cho bà làm 01 lần. Về nghĩa vụ trả nợ: Bà không ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu quan điểm tại phiên toà:

- Về tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Văn A, Nguyễn Đăng H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền là 250.000.000 đồng;
- Về lãi suất: Không
- Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà:

[1] Về tố tụng:

- Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn A, Nguyễn Đăng H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

- Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh Nguyễn Văn A cư trú tại địa bàn thành phố B, tỉnh Bắc Ninh đến nay chưa thay đổi; anh Nguyễn Đăng H có địa chỉ nơi làm việc là trường C tại phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H cho biết đã nghỉ việc tại địa chỉ nói trên, và cung cấp địa chỉ nơi ở thuộc khu M, phường C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh tiếp tục giải quyết vụ việc là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về thời hiệu khởi kiện: Tại phiên toà, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện.

- Xét giấy biên nhận vay tiền lập ngày 25/7/2019:

Về tính hợp pháp của giấy vay:

Khi vay tiền, anh A, anh H có viết giấy vay ngày 25/7/2019 với nội dung *"Hai anh em chúng tôi có vay của bà Nguyễn Thị S…. với số tiền là 700.000.000 đồng"*, lãi suất thoả thuận là 1%/tháng. Giấy vay có chữ ký của anh A và anh H. Nội dung và hình thức của giấy vay đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định tại Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy giao dịch dân sự hợp pháp và có hiệu lực pháp luật bắt buộc thi hành với tất cả các bên.

Về nội dung:

Trên giấy vay tiền lập ngày 25/7/2019 do anh A tự tay viết và có chữ ký của cả anh A và anh H. Tại thời điểm ký kết giấy vay tiền, các bên không ở trong tình trạng không đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự, do vậy giấy vay tiền đã thể hiện ý chí của anh A, anh H trong việc giao kết hợp đồng vay tài sản.

Anh A, anh H đã xác nhận đây đúng là chữ kí và chữ viết của mình, đồng thời khẳng định tại thời điểm kí kết hợp đồng các anh đều có đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự, do vậy giấy vay tiền đã thể hiện ý chí của hai anh trong việc giao kết hợp đồng vay tài sản.

Theo nguyên đơn, sau khi kí giấy vay tiền, bà S đã trao đủ 700.000.000 đồng tiền vay cho cả hai người. Sau đó, bà S còn nhiều lần đồng ý gia hạn thêm thời hạn trả nợ nhưng cho đến nay anh A, anh H vẫn không thanh toán đủ cho bà. Như vậy

anh Nguyễn Văn A, Nguyễn Đăng H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thoả thuận trong giấy vay tiền. Bà S đã nhiều lần yêu cầu cả hai anh thu xếp trả nợ nhưng vẫn không nhận được tiền. Nay bà S yêu cầu hai anh trả số tiền gốc còn lại, tổng là **250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng**.

Bà S xác nhận anh A đã trả cho bà 230.000.000 đồng, anh H trả 20.000.000 đồng là để thực hiện nghĩa vụ cá nhân của từng người. Còn nghĩa vụ chung, bà xác nhận cả hai đã cùng nhau trả cho bà được 200.000.000 đồng. Xét nội dung hình thức trên giấy biên nhận vay tiền có đủ điều kiện để xác lập nghĩa vụ liên đới trả nợ của anh A, anh H với bà S. Tại các buổi làm việc với Tòa án và tại phiên tòa ngày hôm nay, các đương sự không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào xác định nghĩa vụ riêng của mình, do vậy HĐXX xét thấy không có căn cứ chia trách nhiệm trả nợ, cần xem xét đây là nghĩa vụ liên đới, anh A, anh H phải cùng nhau trả cho bà S số tiền còn lại là 250.000.000 đồng.

Về lộ trình trả nợ: Bà S yêu cầu phía bị đơn phải trả tiền làm 01 lần là có căn cứ, cần được xem xét.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự. Do vậy cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc anh Nguyễn Văn A, Nguyễn Đăng H phải trả tiền cho bà Nguyễn Thị S.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, 288, 463, 465, 466, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S: Buộc anh Nguyễn Văn A, Nguyễn Đăng H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền là **250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn A, Nguyễn Đăng H phải chịu 12.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND TP. Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ: Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Vũ Minh Trang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Quang Hợi **Đào Đức Phú** **Phạm Vũ Minh Trang**